

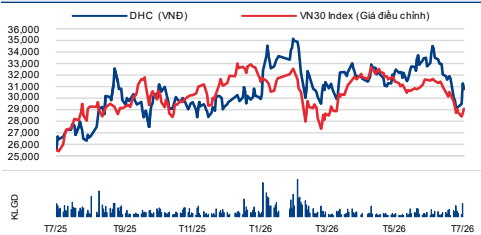
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ42,182
Tiềm năng tăng/giảm: 37.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/7/2026)	30,800
Mã Bloomberg	DHC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	26,312-35,142
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	30,517
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	3,273
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	124
Slg CP lưu hành (tr.đv)	106
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	48.3
Slg CP NN được mua (tr.đv)	13.9
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	35.6%
Tỷ lệ freefloat	67.9%
Cổ đông lớn	KWE (15.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	3,631	3,951	4,854
EBITDA đc (tỷ đồng)	533	665	819
LNTT (tỷ đồng)	457	563	544
LNT ĐC (tỷ đồng)	385	447	463
FCF (tỷ đồng)	282	(1,145)	(271)
EPS ĐC (đồng)	3,625	4,203	4,361
DPS (đồng)	909	909	909
BVPS (đồng)	20,812	24,044	27,419
T.trưởng EBITDA (%)	41.6	24.6	23.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	35.3	15.9	3.75
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.7	16.8	16.9
Tỷ suất LNTT (%)	12.6	14.2	11.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	10.8	11.5	9.74
Tỷ lệ LN trả CT (%)	24.6	21.2	20.4
Nợ thuần/VCSH (%)	23.2	42.4	55.7
ROAE (%)	18.7	19.1	17.3
ROACE (%)	20.1	20.6	14.9
EV/doanh thu (lần)	1.25	1.13	1.05
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.52	6.71	6.23
P/E ĐC (lần)	8.50	7.33	7.06
P/B (lần)	1.48	1.28	1.12
Lợi suất cổ tức (%)	2.95	2.95	2.95

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DHC là một trong những doanh nghiệp sản xuất giấy công nghiệp hàng đầu Việt Nam với thị phần ước tính đạt 4.2% trong năm 2024. Sản phẩm chính của DHC bao gồm giấy công nghiệp và bao bì carton. DHC hiện đang sở hữu hai nhà máy giấy và hai nhà máy bao bì carton tại Bến Tre.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Đức Thành Nhân

Chuyên viên cao cấp, CN & Công Nghệ
nhan.ndt@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Chê Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Q2/2026: Lợi nhuận thuần tăng 114% svck, vượt dự báo 19%

- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần Q2/2026 của DHC đạt lần lượt 1.046 tỷ đồng (+19% svck) và 178 tỷ đồng (+114% svck). Lợi nhuận thuần cao hơn 19% so với dự báo của HSC nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp tốt hơn kỳ vọng.
- Đà tăng trưởng doanh thu được thúc đẩy bởi cả hai mảng kinh doanh cốt lõi: giấy bao bì hưởng lợi từ giá bán cải thiện do nguồn cung thắt chặt, trong khi thùng carton tăng trưởng tích cực cả về giá bán lẫn sản lượng tiêu thụ.
- Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận thuần đạt 315 tỷ đồng (+99% svck), hoàn thành 69% dự báo cho cả năm của chúng tôi. Do đó, chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận nhưng duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 42.182đ/cp (tiềm năng tăng giá là 37%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

DHC công bố KQKD Q2/2026 ấn tượng, với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 1.046 tỷ đồng (+19% svck) và 178 tỷ đồng (+114% svck), đánh dấu quý có lợi nhuận cao nhất kể từ khi mới thành lập công ty. Lợi nhuận thuần vượt 19% dự báo của HSC, chủ yếu nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn kỳ vọng.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 2.013 tỷ đồng (+18% svck) và 315 tỷ đồng (+99% svck), hoàn thành lần lượt 51% và 69% dự báo cho cả năm 2026 của chúng tôi. Chi tiết như sau:

Doanh thu thuần bứt phá nhờ hai mảng kinh doanh cốt lõi

Doanh thu thuần Q2/2026 của DHC bứt phá nhờ đà tăng trưởng tích cực ở cả hai mảng giấy bao bì và thùng carton:

Giấy bao bì: Doanh thu thuần tăng lên 797 tỷ đồng (+16% svck), chủ yếu nhờ giá bán bình quân cải thiện mạnh 16% so với cùng kỳ, đạt 10.145 đồng/kg. Đà tăng giá được củng cố bởi (1) nguồn cung thắt chặt do chính sách môi trường nghiêm ngặt của Chính phủ buộc các nhà máy nhỏ lẻ, không đạt chuẩn phải dừng hoạt động; và (2) nhu cầu tiêu dùng trong nước giữ vững đà phục hồi tích cực. Trong khi đó, sản lượng tiêu thụ gần như đi ngang, đạt 78.526 tấn (+1% svck) do nhà máy đã hoạt động vượt công suất thiết kế từ năm 2020.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 8/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2 và 6 tháng đầu năm 2026, DHC

Vượt dự báo của HSC, chủ yếu nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn kỳ vọng

Tỷ đồng	Q2/26	svck	svqt	6T26	svck	% db 2026
Doanh thu thuần	1,046	19%	8%	2,013	18%	51%
Giấy	797	16%	4%	1,560	15%	
Thùng carton	250	27%	22%	454	30%	
Lợi nhuận gộp	264	97%	19%	487	95%	
Tỷ suất lợi nhuận gộp	25.2%	+10.0 ppts	+2.2 ppts	24.2%	+9.6 ppts	
Chi phí BH&QL	47	15%	-23%	109	38%	
Chi phí BH&QL/DT	4.5%	-0.1 ppts	-1.8 ppts	5.4%	0.8 ppts	
LNTT	221	129%	29%	391	112%	
Lợi nhuận thuần	178	114%	29%	315	99%	69%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	17.0%	+7.6 ppts	+2.8 ppts	15.7%	+6.4 ppts	

Nguồn: DHC, HSC

Thùng carton: Doanh thu thuần đạt 250 tỷ đồng (+27% svck), được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng đồng thời từ sản lượng tiêu thụ (+16% svck) và giá bán bình quân (+10% svck). Động lực tăng trưởng này đến từ (1) xu hướng dịch chuyển từ bao bì nhựa sang bao bì giấy khi chi phí sản xuất nhựa tăng cao dưới áp lực giá dầu leo thang do căng thẳng địa chính trị ở khu vực Trung Đông diễn ra từ tháng 3/2026; và (2) nhu cầu giấy bao bì tăng mạnh khi tiêu dùng trong nước tăng mạnh (tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 13,2% so với cùng kỳ) cùng với nhu cầu xuất khẩu gia tăng (kim ngạch xuất khẩu tăng 22,7% so với cùng kỳ). Chúng tôi lưu ý rằng hoạt động sản xuất giấy bao bì đã đạt mức công suất 100% trong Q2/2026 (so với mức 86% trong Q2/2025).

Lợi nhuận thuần vượt 19% dự báo nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn kỳ vọng

Lợi nhuận thuần Q2/2026 cao hơn 19% so với dự báo của HSC nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp tốt hơn kỳ vọng. Cụ thể, tỷ suất lợi nhuận gộp đã mở rộng 10 điểm phần trăm lên 25,2%. Tỷ suất lợi nhuận cải thiện nhờ chênh lệch giữa giá bán bình quân và chi phí giấy OCC đầu vào mở rộng lên 237 USD/tấn trong Q2/2026 (so với 177 USD/tấn trong Q2/2025), trong bối cảnh giá bán bình quân giấy bao bì và thùng carton tăng nhưng chi phí giấy OCC giảm.

Xem xét lại dự báo lợi nhuận

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 2.013 tỷ đồng (+18% svck) và 315 tỷ đồng (+99% svck), hoàn thành lần lượt 51% và 69% dự báo cho cả năm 2026 của HSC. Do đó, chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận nhưng duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 42.182đ/cp (tiềm năng tăng giá là 37%).

Bảng 2: Sản lượng tiêu thụ và giá bán bình quân của các dòng sản phẩm, DHC

Giá bán bình quân của giấy và thùng carton tăng lần lượt 16% svck và 10% svqt. Trong khi sản lượng tiêu thụ thùng carton tăng 16% svck nhờ nhu cầu tích cực, trong khi sản lượng giấy vẫn còn hạn chế

	Q2/26	svck	svqt	6T26	svck
Sản lượng tiêu thụ					
Giấy (tấn)	78,526	0%	1%	156,161	0%
Thùng carton (triệu thùng)	28.7	16%	19%	52.8	20%
Giá bán bình quân					
Giấy (đồng/kg)	10,145	16%	3%	9,987	14%
Thùng carton (đồng/thùng)	8,694	10%	3%	8,597	8%

Nguồn: DHC, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	3,597	3,631	3,951	4,854	6,050
Lợi nhuận gộp	426	587	730	794	984
Chi phí BH&QL	(152)	(164)	(178)	(228)	(327)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	274	424	552	566	658
Lãi vay thuần	(4.12)	25.7	2.42	(31.7)	(74.1)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	1.64	0.54	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	8.13	7.26	7.91	9.71	12.1
LNTT	279	457	563	544	596
Chi phí thuế TNDN	(37.0)	(64.2)	(107)	(71.2)	(51.2)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.13)	(0.02)	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	242	393	456	473	544
Lợi nhuận thuần ĐC	237	385	447	463	534
EBITDA ĐC	377	533	665	819	948
EPS (đồng)	2,734	3,699	4,289	4,449	5,125
EPS ĐC (đồng)	2,679	3,625	4,203	4,361	5,022
DPS (đồng)	909	909	909	909	1,818
Slg CP bình quân (triệu đv)	88.5	106	106	106	106
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	88.5	106	106	106	106
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	88.5	106	106	106	106

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	571	408	419	1,014	1,244
Đầu tư ngắn hạn	334	763	100	200	200
Phải thu khách hàng	745	871	948	1,165	1,452
Hàng tồn kho	520	492	548	690	861
Các tài sản ngắn hạn khác	11.6	17.9	47.4	58.3	72.6
Tổng tài sản ngắn hạn	2,182	2,552	2,062	3,127	3,830
TSCĐ hữu hình	1,010	993	2,380	2,907	2,637
TSCĐ vô hình	0.99	1.03	1.05	1.06	1.07
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	39.2	24.7	29.4	39.6	51.8
Đầu tư vào Cty LD,LK	5.53	8.14	5.92	5.92	5.92
Tài sản dài hạn khác	2.57	0.43	0.46	0.57	0.71
Tổng tài sản dài hạn	1,058	1,027	2,417	2,955	2,696
Tổng cộng tài sản	3,240	3,579	4,479	6,082	6,526
Nợ ngắn hạn	763	918	902	1,137	1,418
Phải trả người bán	403	381	419	528	659
Nợ ngắn hạn khác	39.0	34.7	1.02	1.02	1.02
Tổng nợ ngắn hạn	1,232	1,368	1,322	1,666	2,078
Nợ dài hạn	5.50	0	600	1,500	1,200
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	5.50	0	600	1,500	1,200
Tổng nợ phải trả	1,237	1,368	1,922	3,166	3,278
Vốn chủ sở hữu	2,001	2,211	2,555	2,913	3,245
Lợi ích cổ đông thiểu số	2.21	0	3.02	3.02	3.02
Tổng vốn chủ sở hữu	2,003	2,211	2,558	2,916	3,248
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,240	3,579	4,479	6,082	6,526
BVPS (đ)	22,598	20,812	24,044	27,419	30,538
Nợ thuần*/(tiền mặt)	198	510	1,083	1,623	1,375

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	274	424	552	566	658
Khấu hao	(103)	(109)	(113)	(253)	(291)
Lãi vay thuần	(4.12)	25.7	2.42	(31.7)	(74.1)
Thuế TNDN đã nộp	0	(64.3)	(107)	(71.2)	(51.2)
Thay đổi vốn lưu động	0	(137)	(204)	(333)	(478)
Khác	257	98.7	10.3	(22.0)	(62.0)
LCT thuần từ HKKD	657	465	409	475	508
Đầu tư TS dài hạn	(68.9)	(183)	(1,554)	(746)	(123)
Góp vốn & đầu tư	(369)	(1,004)	710	(52.1)	73.5
Thanh lý	124	589	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(320)	(600)	(844)	(799)	(49.8)
Cổ tức trả cho CSH	(83.0)	(177)	(96.6)	(96.6)	(193)
Thu từ phát hành CP	3.03	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	66.6	149	543	1,014	(35.1)
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(13.3)	(27.8)	446	918	(228)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	247	571	408	419	1,014
LCT thuần trong kỳ	324	(163)	11.1	595	230
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.00	(0.00)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	571	408	419	1,014	1,244
Dòng tiền tự do	588	282	(1,145)	(271)	385

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	11.8	16.2	18.5	16.4	16.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.5	14.7	16.8	16.9	15.7
Tỷ suất LNT (%)	6.73	10.8	11.5	9.74	9.00
Thuế TNDN hiện hành (%)	13.3	14.0	19.0	13.1	8.60
Tăng trưởng doanh thu (%)	10.4	0.96	8.82	22.9	24.6
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(18.1)	41.6	24.6	23.2	15.8
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(21.7)	62.4	15.9	3.75	15.2
Tăng trưởng EPS (%)	(21.7)	35.3	15.9	3.75	15.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(21.7)	35.3	15.9	3.75	15.2
Tăng trưởng DPS (%)	(50.0)	0	0	0	100
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	33.3	24.6	21.2	20.4	35.5
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	12.6	18.7	19.1	17.3	17.7
ROACE (%)	14.2	20.1	20.6	14.9	14.8
Vòng quay tài sản (lần)	1.17	1.06	0.98	0.92	0.96
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	2.40	1.10	0.74	0.84	0.77
Số ngày tồn kho	59.9	59.0	62.0	62.0	62.0
Số ngày phải thu	85.8	104	107	105	105
Số ngày phải trả	46.4	45.7	47.5	47.4	47.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	10.7	23.2	42.4	55.7	42.4
Nợ/tài sản (%)	24.2	25.8	33.5	43.4	40.1
EBIT/lãi vay (lần)	66.4	N/a	N/a	17.8	8.88
Nợ/EBITDA (lần)	2.08	1.73	2.26	3.22	2.76
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.77	1.87	1.56	1.88	1.84
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.91	1.25	1.13	1.05	0.80
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.65	8.52	6.71	6.23	5.11
P/E (lần)	11.3	8.33	7.18	6.92	6.01
P/E ĐC (lần)	11.5	8.50	7.33	7.06	6.13
P/B (lần)	1.36	1.48	1.28	1.12	1.01
Lợi suất cổ tức (%)	2.95	2.95	2.95	2.95	5.90

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn